

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07-02- 2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Mai Hòa Phúc

2/ Ông Nguyễn Ngọc Thành

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 07 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 437/2019/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 280/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị K, sinh năm: 1997 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp N, xã N, huyện M, An Giang.

2.*Bị đơn:* Anh Trần Văn B, sinh năm: 1998 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện C, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng ngày 20/11/2019 và biên bản hòa giải ngày 25/12/2019 nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Trần Văn B chung sống với nhau vào ngày 5/3/2017, hôn nhân do tự nguyện, có tổ chức cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến tháng 9/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn phù hợp, vợ chồng thường xảy ra cự cãi với nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng ly thân từ 9/2018 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn B.

-Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Phúc L, sinh ngày 12/11/2017. Hiện nay cháu L đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 25/12/2019 và biên bản hòa giải ngày 25/12/2019 anh Trần Văn B trình bày:

-Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị K về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị K trình bày, Vợ chồng kết hôn vào tháng 02 năm 2017, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến tháng 9/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn phù hợp, vợ chồng thường xảy ra cự cãi với nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng ly thân từ 9/2018 cho đến nay. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị K.

-Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Phúc L, sinh ngày 12/11/2017. Hiện nay cháu L đang sống với chị K. Sau khi ly hôn anh đồng ý giao cháu L cho chị K được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị K là nguyên đơn trong vụ kiện có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Trần Văn B là bị đơn trong vụ kiện đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị K và anh Trần Văn B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Trần Văn B chung sống với nhau vào tháng 02 năm 2017, hôn nhân do tự nguyện, không có tổ chức cưới, không có đăng ký kết hôn. Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hanh ngày 21 tháng 11 năm 2019 thì sau khi trích lục hồ sơ đăng ký kết hôn thể hiện không có tên trong hồ sơ đăng ký kết hôn của chị K và anh B. Từ xác nhận trên cho thấy hôn nhân giữa chị K và anh B đã không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó hôn nhân của chị K và anh B đã vi phạm tại điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Căn cứ vào điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì hôn nhân của chị K và anh B không được công nhận là hôn nhân thực tế, do đó nghĩ nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị K và anh Trần Văn B là phù hợp.

[3] Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Phúc L, sinh ngày 12/11/2017. Hiện nay cháu L đang sống với chị K. Tại biên bản hòa giải ngày 25/12/2019 anh B đồng ý cho chị K được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy từ nhỏ đến nay cháu L sống chung với chị K được chị và gia đình chăm sóc, cuộc sống hiện tại tương đối ổn định. Do đó để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu, nghĩ nên để chị K được tiếp tục nuôi cháu L là phù hợp.

[4] Về tài sản và nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của chị Nguyễn Thị K được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị K. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị K và anh Trần Văn B.

2. Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị K được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Phúc L, sinh ngày 12/11/2017. Anh Trần Văn B không phải cấp dưỡng nuôi cháu L. Chị K phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh B được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai cản trở khi anh thực hiện quyền này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006588 ngày 4/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

4. Về kháng cáo: Chị Nguyễn Thị K và anh Trần Văn B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**